

Số: 378 /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 07 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2 thuê đất để thực hiện dự án Nhà máy điện mặt trời Mỹ Sơn 2, xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thi hành Luật Đất đai, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyên mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Xây dựng Thương mại Hoàng Sơn thực hiện Dự án Nhà máy điện mặt trời Mỹ Sơn 2; Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy điện mặt trời Mỹ Sơn tại xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn;

Căn cứ Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Ninh Sơn;

Căn cứ Quyết định số 377 /QĐ-UBND ngày 07 /10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho phép chuyển mục đích đất lâm nghiệp sang đất công trình năng lượng để thực hiện Dự án Nhà máy điện mặt trời Mỹ Sơn 2, xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn;

Xét Hồ sơ xin thuê đất của Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2 và đề nghị của sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 3950/TTr-STNMT ngày 25 tháng 9 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 489.852,8 m² đất do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Sơn quản lý, cho Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2 thuê đất để thực hiện dự án Nhà máy điện mặt trời Mỹ Sơn 2, xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn



- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 75, 88, 89, 140, xã Mỹ Sơn, tỷ lệ 1/5000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập ngày 19 tháng 9 năm 2019, kèm theo Quyết định này.

- Thời hạn sử dụng đất là 50 năm, kể từ ngày ban hành quyết định cho thuê đất.

- Hình thức thuê đất: thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

- Giá đất, tiền thuê đất phải nộp theo thông báo của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh xác định.

- Thời điểm tính tiền thuê đất: Tính từ ngày ký ban hành Quyết định cho thuê đất.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, các cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Tổ chức cắm mốc thu hồi và bàn giao đất tại thực địa cho Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2 theo Điều 1 Quyết định này;

- Ký hợp đồng thuê đất và trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2 theo quy định;

- Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh chuyển thông tin địa chính cho Cục Thuế tỉnh để xác định đơn giá cho thuê đất và thực hiện chính lý biến động đất đai theo quy định hiện hành.

2. Cục Thuế tỉnh xác định đơn giá cho thuê đất để thông báo bằng văn bản cho Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2 và chuyển cho Sở Tài nguyên và Môi trường làm căn cứ ghi vào Hợp đồng thuê đất theo quy định.

3. Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2 có nghĩa vụ và được hưởng các quyền lợi:

- Ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

- Được hưởng quyền lợi, cũng như phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người được thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Triển khai dự án, đưa đất vào sử dụng theo đúng quy hoạch và tiến độ đã cam kết và đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp vi phạm, nhà đầu tư sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư.

4. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra trong quá trình triển khai đầu tư dự án theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai hiện hành; kịp thời báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các vi phạm (nếu có) theo quy định.

5. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn, Ủy ban nhân dân xã Mỹ Sơn căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện việc kiểm tra, hướng dẫn Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2 thực hiện đúng nội dung Quyết định này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Công thương, Giám đốc sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Mỹ Sơn, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận, Giám đốc Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và PCT Trần Quốc Nam;
- VPUB: LD, KTTH;
- Lưu: VT. KHH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Trần Quốc Nam

Ninh Thuận, ngày 19 tháng 9 năm 2019

**DANH SÁCH CHỦ SỬ DỤNG CÓ ĐẤT ĐÃ BỒI THƯỜNG GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI MỸ SƠN 2 (ĐỢT 1)**

Địa điểm: xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

(Kèm theo Quyết định số: 378 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Tờ BĐDC số	Thửa số	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích đất quy hoạch chuyển ra 3 loại rừng (m ²)	Diện tích đất quy hoạch rừng sản xuất (m ²)	Loại đất	Tên chủ sử dụng đất	Tờ BĐDC số	Thửa đất số (thửa mới)	Diện tích thuê đất (m ²)	Loại đất	
1	Phạm Quốc Việt	140	33	25.268,7	25.268,7		RSX	Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2					
	Phạm Quốc Việt	140	35	11.552,2	11.552,2		RSX						
	Phạm Quốc Việt	140	36	30.157,4	30.157,4		RSX						
	Phạm Quốc Việt	140	36	1.291,2	1.185,2	106,0	RSX						
	Phạm Quốc Việt	140	37	18.184,8	12.508,2	5.676,6	RSX						
	Phạm Quốc Việt	89	19	1.158,4	1.158,4		RSX						
	Phạm Quốc Việt	89	22	8.246,4	8.246,4		RSX						
	Phạm Quốc Việt	89	24	6.482,9	6.482,9		RSX						
	Phạm Quốc Việt	89	31	881,7	881,7		RSX						
	Phạm Quốc Việt	89	32	404,9	404,9		RSX						
	Phạm Quốc Việt	89	26	1.069,6	1.069,6		RSX						
	Phạm Quốc Việt	89	20	11.688,4	11.688,4		RSX						
	Phạm Quốc Việt	89	28	7.031,8	7.031,8		RSX						
	Phạm Quốc Việt	89	29	4.258,0	4.258,0		RSX						
	Phạm Quốc Việt	88	11	4.052,0	4.052,0		RSX						
	Phạm Quốc Việt	88	16	21.850,5	540,4	21.310,1	RSX						
	Phạm Quốc Việt	88	10	70.967,1	21.728,3	49.238,8	RSX						

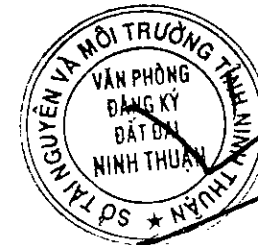


STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Tờ BĐDC số	Thửa số	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích đất quy hoạch chuyên ra 3 loại rừng (m ²)	Diện tích đất quy hoạch rừng sản xuất (m ²)	Loại đất	Tên chủ sử dụng đất	Tờ BĐDC số	Thửa đất số (thửa mới)	Diện tích thuê đất (m ²)	Loại đất
	Phạm Quốc Việt	88	13	22.347,3	29,1	22.318,2	RSX	Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2			489.852,8	
	Phạm Quốc Việt	88	14	18.538,6	13.881,8	4.656,8	RSX					
	Phạm Quốc Việt	75	40	21.613,8	21.613,8		RSX					
	Phạm Quốc Việt	75	41	21.012,1	21.012,1		RSX					
	Phạm Quốc Việt	75	32	17.866,6	17.866,6		RSX					
	Phạm Quốc Việt	75	37	19.313,2	19.313,2		RSX					
	Phạm Quốc Việt	75	31	15.995,3	15.808,6	186,7	RSX					
	Phạm Quốc Việt	75	36	2.858,9	2.858,9		RSX					
	Phạm Quốc Việt	75	48	468,2	468,2		RSX					
	Phạm Quốc Việt	75	49	1.411,8	1.411,8		RSX					
	Phạm Quốc Việt	75	13	14.034,2	14.034,2		RSX					
	Phạm Quốc Việt	75	45	29.593,8	29.593,8		RSX					
	Phạm Quốc Việt	75	39	10.159,5	10.159,5		RSX					
	Phạm Quốc Việt	75	29	7.295,4	7.083,9	211,5	RSX					
	Phạm Quốc Việt	75	33	19.159,7	19.159,7		RSX					
	Cộng			446.214,4	342.509,7	103.704,7						
2	UBND xã Mỹ Sơn	140	32	2.490,3	2.490,3		SON					
	UBND xã Mỹ Sơn	140	34	862,7	862,7		DGT					
	UBND xã Mỹ Sơn	140	38	2.021,6	1.095,5	926,1	SON					
	UBND xã Mỹ Sơn	89	21	13.736,7	13.736,7		RSX					
	UBND xã Mỹ Sơn	89	23	8.267,7	8.267,7		RSX					
	UBND xã Mỹ Sơn	89	25	14.584,4	14.584,4		RSX					
	UBND xã Mỹ Sơn	89	27	11.699,4	11.699,4		RSX					
	UBND xã Mỹ Sơn	89	30	1.481,6	1.481,6		DGT					
	UBND xã Mỹ Sơn	88	21	771,3	771,3		RSX					
	UBND xã Mỹ Sơn	88	20	180,5	180,5		RSX					
	UBND xã Mỹ Sơn	88	17	1.762,9	1.030,5	732,4	RSX					
	UBND xã Mỹ Sơn	88	19	161,8	161,8		RSX					

TRƯỜNG
AN PHÒNG
ĐĂNG KÝ
ĐẤT ĐÀ
INH THU

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Tờ BĐDC số	Thửa số	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích đất quy hoạch chuyên ra 3 loại rừng (m ²)	Diện tích đất quy hoạch rừng sản xuất (m ²)	Loại đất	Tên chủ sử dụng đất	Số	Thửa đất	Diện tích thửa đất	Loại đất	
	UBND xã Mỹ Sơn	88	18	8.082,4	8.082,4		RSX	Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2					
	UBND xã Mỹ Sơn	88	12	11.358,3	11.358,3		RSX						
	UBND xã Mỹ Sơn	88	23	11.902,0	11.902,0		RSX						
	UBND xã Mỹ Sơn	88	15	4.547,4	4.547,4		RSX						
	UBND xã Mỹ Sơn	88	24	1.437,9	1.437,9		RSX						
	UBND xã Mỹ Sơn	88	22	2.341,8	2.191,8	150,0	SON						
	UBND xã Mỹ Sơn	75	42	4.567,2	4.567,2		RSX						
	UBND xã Mỹ Sơn	75	43	327,4	327,4		RSX						
	UBND xã Mỹ Sơn	75	30	15.724,4	15.724,4		RSX						
	UBND xã Mỹ Sơn	75	46	2.905,7	2.905,7		RSX						
	UBND xã Mỹ Sơn	75	47	6.957,4	6.957,4		RSX						
	UBND xã Mỹ Sơn	75	34	3.897,6	3.897,6		DGT						
	UBND xã Mỹ Sơn	75	44	12.274,6	12.274,6		RSX						
	UBND xã Mỹ Sơn	75	38	439,7	439,7		DGT						
	UBND xã Mỹ Sơn	75	35	4.366,9	4.366,9		SON						
	Cộng			149.151,6	147.343,1	1.808,5						489.852,8	
	Tổng cộng			595.366,0	489.852,8	105.513,2							

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Tô Văn Dũng

558 500

559 000

559 500

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT

TỶ LỆ: 1/5000

CHO CÔNG TY TNHH ĐIỆN MẶT TRỜI MỸ SƠN 2 THUÊ ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN

DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI MỸ SƠN 2 (ĐỢT 1)

Địa điểm: xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận

(Thuộc tờ BĐĐC số 75, 88, 89, 140 xã Mỹ Sơn)

(Kèm theo Quyết định số: 378/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2019

của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

1290
500

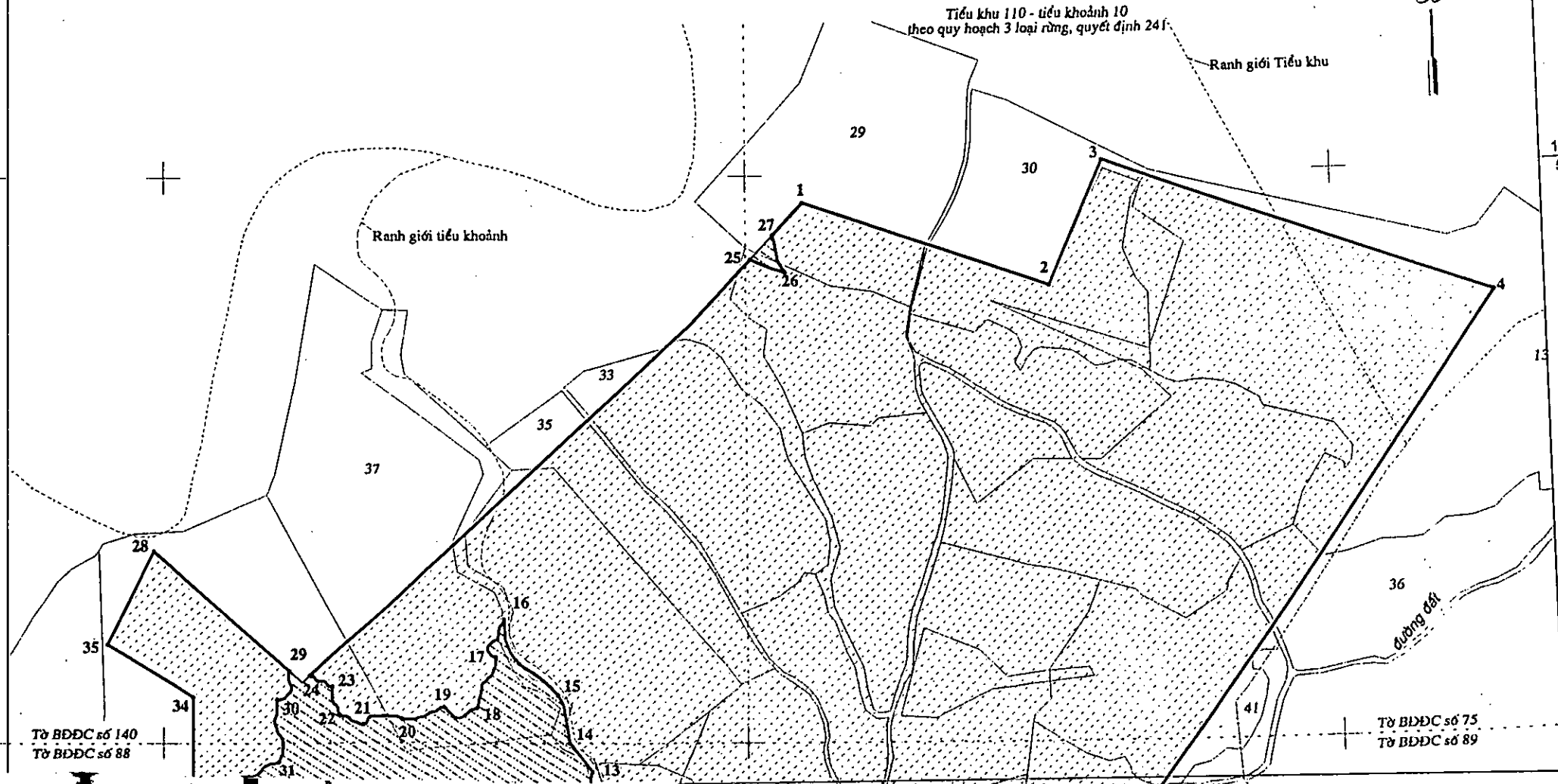
1290
500

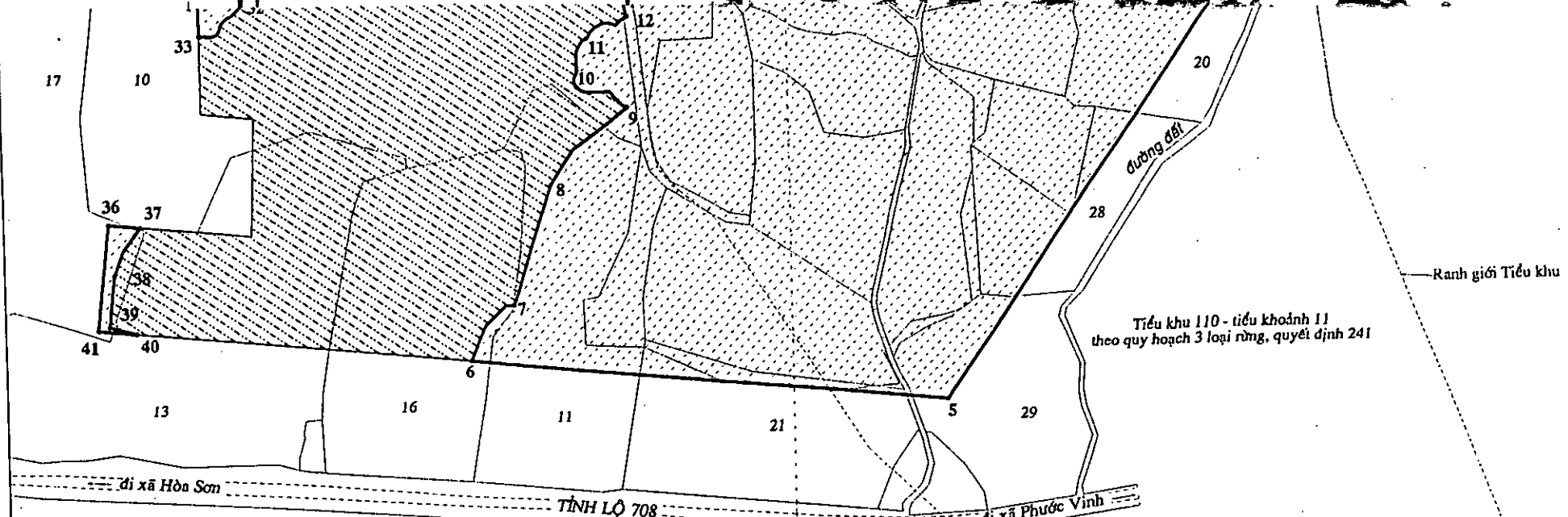
1290
000

1290
000

Tờ BĐĐC số 140
Tờ BĐĐC số 88

Tờ BĐĐC số 75
Tờ BĐĐC số 89





Tiểu khu 110 - tiểu khoảnh 11 theo quy hoạch 3 loại rừng, quyết định 241

BẢNG KÊ MỐC TOạ ĐỘ

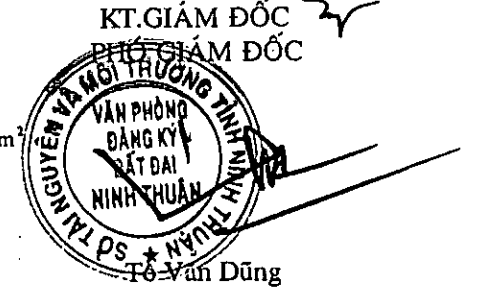
STT	Số hiệu mốc	Trị số tọa độ		STT	Số hiệu mốc	Trị số tọa độ	
		X (m)	Y (m)			X (m)	Y (m)
1	1	1290475.85	559049.05	22	22	1290024.62	558650.92
2	2	1290401.44	559260.12	23	23	1290048.49	558644.79
3	3	1290511.82	559307.19	24	24	1290058.51	558625.61
4	4	1290386.96	559636.48	25	25	1290426.08	559004.25
5	5	1289622.24	559124.07	26	26	1290414.28	559034.00
6	6	1289662.85	558739.90	27	27	1290447.50	559023.52
7	7	1289708.52	558775.99	28	28	1290169.19	558491.45
8	8	1289805.27	558807.31	29	29	1290062.25	558608.01
9	9	1289870.13	558871.17	30	30	1290038.49	558597.29
10	10	1289887.49	558830.38	31	31	1289982.08	558598.70
11	11	1289927.55	558839.05	32	32	1289967.45	558565.84
12	12	1289944.53	558872.86	33	33	1289935.79	558525.47
13	13	1289972.85	558867.29	34	34	1290041.15	558525.05
14	14	1289999.80	558848.07	35	35	1290087.58	558451.60
15	15	1290042.15	558837.97	36	36	1289781.32	558449.61
16	16	1290109.48	558792.04	37	37	1289778.55	558474.83
17	17	1290076.00	558784.79	38	38	1289738.92	558453.65
18	18	1290032.09	558768.68	39	39	1289697.16	558449.15
19	19	1290032.94	558740.08	40	40	1289691.31	558470.67
20	20	1290020.99	558704.79	41	41	1289694.55	558440.07
21	21	1290016.20	558671.01				

Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 108° 15', meridien 3

CHÚ DẪN :

- * Tổng diện tích đất dự án là: 595.366,0 m². Trong đó:
 - Diện tích thuê đất (đợt 1) là: 489.852,8 m². Gồm:
 - + Phần đất hộ gia đình, cá nhân (lấn chiếm đất do xã quản lý) là: 342.509,7 m²
 - + Phần đất UBND xã quản lý là: 147.343,1 m²
 - Diện tích đất quy hoạch rừng sản xuất là: 105.513,2 m²
- : Ranh giới thuê đất (đợt 1)
- - - - - : Ranh giới tiểu khu

Ninh Thuận, ngày 19 tháng 9 năm 2019
 VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI NINH THUẬN



1289
500

1289
500

558 500

559 000

559 500

Handwritten signature